

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

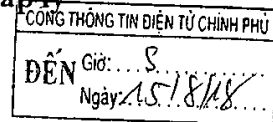
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1866/QĐ-UBND

An Giang, ngày 08 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trợ giúp pháp lý
thuộc chức năng quản lý của Sở Tư pháp**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-BTP ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh tại Tờ trình số 94/TTr-STP ngày 06 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trợ giúp pháp lý tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện
- Lưu: VT, KSTT.

} qua email



CHỦ TỊCH

Handwritten signature
Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ; Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
2	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ; Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức được	Sở Tư pháp	Không	

		lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp.			
3	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	
4	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, - Tổ chức hành nghề luật sư; - Tổ chức tư vấn pháp luật.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008, Thông tư số 01/2010/TT-
2	Thủ tục cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	Không	
3	Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	Không	

4	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	BTP ngày 09/2/2010. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
5	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; - Giám đốc Sở Tư pháp	Không	

